TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L.

2. Bà Phạm Thị M.

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 64/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp QTT, xã Q, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Bình T 2, xã Bình Hòa T, huyện M, tỉnh L.

Bà Th vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Th: Bà Th yêu cầu ly hôn với ông Lê Quốc T; về con chung, bà Th đề nghị nuôi con chung tên Lê Bùi Yến N, sinh ngày 18/9/2007, Lê Bùi Ngọc H, sinh ngày 04/4/2012 và Lê Bùi Minh A, sinh ngày 27/10/2015, con chung hiện đang sống với bà Th, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung bà Th không yêu cầu giải quyết; về án phí, bà Th đồng ý chịu toàn bộ án phí.

Yêu cầu, đề nghị của ông Lê Quốc T: Ông T vắng mặt không có ý kiến.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Bùi Thị Th cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà Th (photo); trích lục giấy khai sinh (bản sao); trích lục giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 03 tờ báo công lý (đăng báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú), 01 hợp đồng nhắn tin với đài tiếng nói Việt Nam).

Chứng cứ do ông Lê Quốc T cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Th trình bày: Bà Th và ông T đến với nhau do quen biết, có tổ chức lễ cưới vào năm 2005, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh B. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T bỏ nhà đi không có tin tức, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân gần bốn năm. Bà Th đã có thông báo tìm kiếm ông T trên Báo công lý và Đài tiếng nói Việt Nam nhưng vẫn không có tin tức. Về con chung: Có ba con chung tên là Lê Bùi Yến N, sinh ngày 18/9/2007, Lê Bùi Ngọc H, sinh ngày 04/4/2012 và Lê Bùi Minh A, sinh ngày 27/10/2015. Về tài sản chung và nợ chung: bà Th không yêu cầu giải quyết. Về án phí, bà Th đồng ý chịu toàn bộ án phí, thay cho cả phần của ông T. Bà Th đề nghị không công bố bản án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Bà Bùi Thị Th và ông Lê Quốc T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh B và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bà Bùi Thị Th và ông Lê Quốc T: Bà Bùi Thị Th có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông Lê Quốc T vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bà Th và ông T.

[3]. Về hôn nhân giữa bà Bùi Thị Th và ông Lê Quốc T: Bà Th trình bày về mâu thuẫn và tình trạng đã ly thân từ năm 2015. Ông T vắng mặt không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà Th. Việc ông T vắng mặt thể hiện ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào lời trình bày của bà Th thì hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không

cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và không sống chung với nhau. Điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà Th và ông T không còn, việc chung sống giữa bà Th và ông T vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông T.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; ông T vắng mặt không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về con chung*:* Bà Th yêu cầu nuôi con chung Lê Bùi Yến N, sinh ngày 18/9/2007, Lê Bùi Ngọc H, sinh ngày 04/4/2012 và Lê Bùi Minh A, sinh ngày 27/10/2015, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ông T không có ý kiến. Căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì điều kiện hiện tại của bà Th là tốt hơn, giúp cho con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên yêu cầu của bà Th có cơ sở chấp nhận. Bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung.

[6] Về án phí: Bà Bùi Thị Th phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Th đối với ông Lê Quốc T, cho bà Th được ly hôn ông T.

Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: Chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Bùi Thị Th, bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Bùi Yến N, sinh ngày 18/9/2007, Lê Bùi Ngọc H, sinh ngày 04/4/2012 và Lê Bùi Minh A, sinh ngày 27/10/2015. Con chung hiện đang sống với bà Th. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của

cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Bùi Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân- gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai số 0002865 ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà Th đã nộp đủ án phí.

Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Bà Bùi Thị Th và ông Lê Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã Q, huyện C, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Nguyễn Văn Lai Nguyễn Thanh Liêm